

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU:

1. Mô tả khái quát về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án Đầu tư tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng.

1.2. Địa điểm xây dựng

Địa điểm xây dựng: Dự án thực hiện dự kiến đi qua Thành phố Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn.

1.3. Mục tiêu đầu tư

Xây dựng tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn 1435mm kết nối Thủ đô Hà Nội qua các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn và kết nối với đường sắt Trung Quốc qua khu vực tỉnh Lạng Sơn, đáp ứng được nhu cầu vận tải thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các địa phương dọc hành lang tuyến.

Tùng bước hoàn chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và hạn chế ô nhiễm môi trường; nâng cao năng lực cạnh tranh, khai thác các tiềm năng, lợi thế của địa phương, vùng, quốc gia; đồng thời phát huy được tính liên kết vùng..., kết hợp được các phương thức vận tải khác nhau góp phần giảm giá thành vận tải, nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

1.4. Phạm vi dự án

Tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng nằm trên hành lang kinh tế Bắc - Nam, đi qua các địa phương bao gồm: Thành phố Hà Nội, các tỉnh Bắc Ninh và Lạng Sơn. Tuyến có chiều dài tuyến khoảng 156km đi khu vực có địa hình là vùng đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi phía Bắc.

- Điểm đầu: Ga Yên Viên thuộc khu đầu mối đường sắt Thành phố Hà Nội.

- Điểm cuối: Điểm nối ray với đường sắt Trung Quốc trên địa phận tỉnh Lạng Sơn.

- Tổng chiều dài: Dự kiến tổng chiều dài khoảng 156km.

1.5. Quy mô và các tiêu chuẩn kỹ thuật

Theo quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 đã xác định tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng là tuyến đường sắt trên hành lang trọng yếu kết nối với quốc tế, với đường sắt Trung Quốc tại tỉnh Lạng Sơn theo quy mô khổ 1435mm.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của E-HSMT để thực hiện dịch vụ tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Nhà thầu được lựa chọn phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ thực hiện của gói thầu, đảm bảo chất lượng hiệu quả, tính đúng, đủ chi phí đầu

tư, tuân thủ theo quy trình, quy phạm hiện hành, đáp ứng các quy định về lập BCNCTKT của Nhà nước.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có).

- Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu:
 - + Khảo sát, thu thập các số liệu, tài liệu cần thiết để phục vụ cho việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCTKT) của Dự án.
 - + Triển khai công tác lập BCNCTKT Dự án theo yêu cầu E-HSMT.
 - + Phối hợp, cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan (phù hợp với quy định của Việt Nam) trong quá trình nghiên cứu cho đơn vị thực hiện dự án hỗ trợ Rà soát báo cáo NCTKT dự án được cấp thẩm quyền chấp thuận (Công ty TNHH Tập đoàn Viện khảo sát và thiết kế số 5 - Tập đoàn Đường sắt quốc gia Trung Quốc (CR5DI)).
 - + Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện BCNCTKT Dự án theo các ý kiến rà soát của CR5DI, các cơ quan, đơn vị, các địa phương liên quan, ý kiến thẩm tra, thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
 - + Bố trí cán bộ tham gia cùng Chủ đầu tư lập Đề án chủ trương đầu tư Dự án để báo cáo cấp thẩm quyền, rà soát báo cáo các cơ chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ của dự án, đồng thời chuẩn bị các báo cáo và hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cấp thẩm quyền;
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 2 - Số 18 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Tên gói thầu: Gói thầu TV01: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
 - Hình thức thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước.
 - Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.
 - Loại hợp đồng:
 - + Phần khảo sát theo đơn giá cố định;
 - + Phần lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: trọn gói.
 - Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
 - Thời gian: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi BCNCTKT dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.
 - Tiến độ: 270 ngày (không liên tục), kể từ ngày triển khai thực hiện gói thầu đến khi hoàn thành lập BCNCTKT (không bao gồm thời gian thẩm tra, thẩm định, hoàn thiện BCNCTKT và phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án).
 - Nhân sự thực hiện (số tháng- số người):

STT	Chức danh bố trí trong gói thầu	Loại chuyên gia	Số tháng- người
------------	--	------------------------	------------------------

I	Nhân sự chủ chốt		
1	Chủ nhiệm dự án	Nhóm I	9,00
2	Chủ trì dự báo nhu cầu vận tải	Nhóm II	3,00
3	Chủ trì thiết kế ga	Nhóm I	8,00
4	Chủ trì thiết kế tuyến đường sắt	Nhóm I	8,00
5	Chủ trì thiết kế cầu	Nhóm II	8,00
6	Chủ trì thiết kế hầm	Nhóm II	8,00
7	Chủ trì thiết kế điện	Nhóm II	4,00
8	Chủ trì thiết kế depot, phương tiện	Nhóm II	4,00
9	Chủ trì thiết kế thông tin	Nhóm II	4,00
10	Chủ trì thiết kế tín hiệu	Nhóm I	4,00
11	Chủ trì thiết kế kiến trúc nhà ga	Nhóm II	5,00
12	Chủ trì thiết kế hệ thống thẻ vé AFC	Nhóm II	2,00
13	Chủ trì lập sơ bộ Tổng mức đầu tư, hiệu quả dự án	Nhóm II	3,00
14	Chủ trì lập báo cáo sơ bộ ĐTM	Nhóm II	2,00
II	Nhân sự thực hiện		
1	Kỹ sư thiết kế tuyến đường sắt 1	Nhóm II	4,00
2	Kỹ sư thiết kế tuyến đường sắt 2	Nhóm II	4,00
3	Kỹ sư thiết kế cầu đường sắt	Nhóm III	4,00
4	Kỹ sư thiết kế hầm đường sắt	Nhóm III	4,00
5	Kỹ sư thiết kế ga	Nhóm II	4,00
6	Kỹ sư thiết kế depot	Nhóm III	4,00
7	Kỹ sư dự báo nhu cầu vận tải	Nhóm III	3,00
8	Kỹ sư hạng mục phương tiện đầu máy toa xe	Nhóm III	2,00
9	Kỹ sư thiết kế thông tin đường sắt	Nhóm III	3,00
10	Kỹ sư thiết kế tín hiệu đường sắt	Nhóm III	3,00
11	Kỹ sư thiết kế điện, điện khí hóa	Nhóm III	3,00
12	Kỹ sư kiến trúc	Nhóm III	3,00
13	Kỹ sư thiết kế hệ thống vé	Nhóm III	3,00
14	Kỹ sư lập sơ bộ TMĐT	Nhóm III	5,00
15	Kỹ sư lập phân tích hiệu quả dự án	Nhóm III	3,00

16	Kỹ sư lập sơ bộ phương án GPMB, TĐC	Nhóm III	3,00
17	Kỹ sư tổ chức vận hành khai thác	Nhóm III	3,00
18	Kỹ sư lập báo cáo sơ bộ ĐTM 2	Nhóm III	3,00
19	Chuyên gia tài liệu	Nhóm III	3,00
	Tổng cộng		127.0

Ghi chú:**- Nhóm I**

+ Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

+ Chuyên gia tư vấn có bằng Đại học trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

+ Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.

- Nhóm II

+ Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

+ Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

- Nhóm III

+ Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

+ Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn. Trong đó phải nêu rõ loại công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, loại công việc tính theo lương chuyên gia.

2.1. Nhiệm vụ khảo sát

- Mục đích khảo sát:

Mục đích khảo sát lập báo cáo nghiên cứu Tiền khả thi là để thu thập các số liệu để xác định sự cần thiết đầu tư, dự kiến được quy mô đầu tư, phân tích lựa chọn sơ bộ công nghệ, xác định tổng mức đầu tư, phương án huy động các nguồn vốn, khả năng hoàn vốn, tính toán sơ bộ toán sơ bộ hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội của Dự án.

- Phạm vi khảo sát:

+ Khảo sát tuyến và công trình trên tuyến.

+ Điều tra, thu thập các số liệu liên quan tới dự án của các địa phương về: kinh tế, xã hội; giao thông vận tải; thành phần và lưu lượng tham gia giao thông trên tuyến và các tuyến liên quan; hiện trạng sử dụng đất, các dự án liên quan tới tuyến...

- Tiêu chuẩn áp dụng:

TT	Tên Quy trình, Quy phạm, Tiêu chuẩn	Ký hiệu
I	Tiêu chuẩn Việt Nam	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
2	Tiêu chuẩn khảo sát đường sắt	TCCS 01:2011/VNRA
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt	QCVN 08:2018/BGTVT
4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tín hiệu giao thông đường sắt	QCVN 06:2018/BGTVT
5	Tiêu chuẩn quốc gia về cấp kỹ thuật đường sắt	TCVN 8893:2020
6	Thiết kế cầu đường sắt khổ 1435 MM, vận tốc đến 350 km/h	TCVN 13594:2022
7	Thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
8	Tải trọng và tác động	TCVN 2737:2023
9	Móng cọc - tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
10	Thiết kế kết cấu thép	TCVN 5575:2024
11	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông	QCVN 33:2019/BTTTT
12	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông	QCVN 32:2020/BTTTT
13	Quy chuẩn quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông	QCVN 9:2016/BTTTT
14	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tín hiệu giao thông đường sắt	QCVN 06:2018/BGTVT
15	Ghi đường sắt - Phần 1: Ghi khổ đường 1000 mm và khổ đường 1435 mm có tốc độ tàu 120 km/h - Ghi lòng có tốc độ tàu nhỏ hơn hoặc bằng 100 km/h	TCVN 13149-1:2020
16	Đường sắt khổ 1435 – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN4117:1985
II	Tiêu chuẩn nước ngoài tham khảo	
1	Quy phạm thiết kế đường sắt	TB 10098-2017
2	Quy phạm thiết kế nền đường sắt	TB 10001-2016
3	Quy phạm thiết kế cầu và cống đường sắt	TB 10002-2017
4	Quy phạm Thiết kế Đường hầm Đường sắt	TB 10003-2016
5	Quy phạm Thiết kế Tín hiệu Đường sắt	TB 10007-2017
6	Quy phạm thiết kế điện lực đường sắt	TB10008-2015
7	Quy phạm thiết kế cấp điện lực kéo tàu điện	TB 10009-2016
8	Quy phạm Thiết kế Cấp Thoát nước Đường sắt	TB10010-2016
9	Quy phạm thiết kế kết cấu chắn nền đường sắt	TB 10025-2019
10	Quy phạm Thiết kế Kết cấu Nền đất Đường sắt Đặc biệt	TB 10035-2018

11	Quy phạm Thiết kế Dốc gù và Bãi dôn lập tàu Đường sắt	TB 10062-2018
12	Quy phạm thiết kế thông gió vận hành hầm đường sắt	TB 10068-2010

2.1.1. Công tác chuẩn bị điều tra, thu thập số liệu

Thu thập đầy đủ các số liệu kinh tế xã hội, hiện trạng và quy hoạch giao thông vận tải, quy hoạch sử dụng đất, các chuyên ngành liên quan khác; bản đồ địa hình, địa chất...

2.2. Nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Kết cấu và nội dung hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuân thủ theo Văn bản 2651/BGTVT-KHĐT ngày 20/3/2023 của Bộ GTVT về hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đường sắt), bao gồm các nội dung sau:

➤ TẬP THUYẾT MINH

Thuyết minh Báo cáo NCTKT bao gồm Thuyết minh chung dự án và Báo cáo tóm tắt dự án. Nội dung cơ bản gồm:

PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Thông tin cơ bản về dự án

- 1.1. Tên dự án
- 1.2. Nhóm dự án
- 1.3. Tên cơ quan quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư
- 1.4. Tên đơn vị chuẩn bị dự án: Chủ đầu tư, tư vấn lập Báo cáo NCTKT
- 1.5. Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất
- 1.6. Yêu cầu kỹ thuật (khổ đường, cấp đường, số đường chính)
- 1.7. Sơ bộ tổng mức đầu tư
- 1.8. Nguồn vốn: vốn nhà nước và vốn tư nhân (giá trị, %)
- 1.9. Hình thức đầu tư (dự kiến)
- 1.10. Các tiêu chí chính thuộc phương án tài chính sơ bộ
- 1.11. Thời gian thực hiện dự án (bao gồm thời gian và kiến phân kỳ)
- 1.12. Cơ chế, chính sách đặc thù (có thể có vay vốn, đầu tư, khai thác,...)

2. Căn cứ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

- 2.1. Cơ sở chính trị
- 2.2. Cơ sở pháp lý
- 2.3. Các văn bản chỉ đạo liên quan đến dự án, gồm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ý kiến các bộ, ngành, Bộ GTVT,...
- 2.4. Các tài liệu tham khảo (nếu có)

3. Quá trình triển khai nghiên cứu dự án

PHẦN II: NỘI DUNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI

CHƯƠNG 1. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

1. Bối cảnh chung

- 1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội
- 1.2. Đánh giá tổng quan về GTVT
- 1.3. Phân tích sự phù hợp của dự án đầu tư đối với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan

2. Hiện trạng khu vực dự án

- 2.1. Điều kiện địa lý, địa hình và địa chất
- 2.2. Khí hậu, thủy văn
- 2.3. Tài nguyên đất đai và môi trường
- 2.4. Hiện trạng khác (đô thị, công nghiệp,...)

3. Các dự án có liên quan

Nêu thông tin cơ bản về các dự án có liên quan và ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của dự án đó đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt.

4. Dự báo nhu cầu vận tải

- 4.1. Phương pháp luận
- 4.2. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội và mạng lưới GTVT hiện trạng
- 4.3. Cập nhật số liệu OD năm cơ sở
- 4.4. Kịch bản phát triển kinh tế xã hội và GTVT trong tương lai
- 4.5. Mô hình phát sinh/thu hút
- 4.6. Mô hình phân bổ nhu cầu vận tải
- 4.7. Mô hình phân chia phương thức
- 4.8. Mô hình phân bổ mạng lưới đường sắt (nếu có)
- 4.9. Kết quả dự báo

5. Lợi thế và tính khả thi của việc đầu tư theo phương thức PPP

5.1. Phân tích lợi thế đối với dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt khi đầu tư theo phương thức PPP so với phương thức đầu tư khác, đề xuất phương thức đầu tư cho dự án

5.2. Khả năng thu hút nguồn vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của khu vực tư nhân

5.3. Phân chia rủi ro giữa các bên có liên quan và các nội dung khác

6. Tác động của việc thực hiện dự án đối với khu vực, cộng đồng dân cư

Phân tích tác động của việc thực hiện dự án đầu tư tuyến đường sắt theo phương thức PPP đến xã hội (giải tỏa, thu hồi đất, tình hình giải giới, tạo cơ hội việc làm,...) đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án

7. Kết luận về sự cần thiết phải đầu tư dự án tuyến đường sắt

Tổng kết, khái quát những nội dung chủ yếu để làm rõ sự cần thiết phải đầu tư dự án tuyến đường sắt từ những nội dung đã trình bày nêu trên:

(1) Cụ thể hóa các mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo định hướng của Đảng, Chính phủ;

(2) Góp phần bảo vệ cấu an toàn bền vững trên hành lang;

(3) Tạo không gian phát triển mới, tái cấu trúc đô thị và phân bổ dân cư, lao động,... dọc hành lang;

(4) Tăng cường lực cạnh tranh của nền kinh tế, của khu vực, vùng, từng địa phương và tạo động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ,...

(5) Phát triển phương thức vận tải bền vững, hiện đại, thân thiện góp phần giảm tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường;

(6) Các nội dung khác (nếu có)

CHƯƠNG 2. THÔNG TIN SƠ BỘ VỀ DỰ ÁN

1. Mục tiêu của dự án

- Mục tiêu tổng quát: kết quả cần đạt được của việc đầu tư xây dựng tuyến đường sắt để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước, vùng

- Mục tiêu cụ thể: kết quả cần đạt được của việc đầu tư xây dựng tuyến đường sắt (thí dụ: phần đáp ứng trên hành lang cho giai đoạn đến 2030, 2035, 2040,...)

2. Địa điểm thực hiện dự án

- Địa điểm: điểm đầu, điểm cuối, các điểm trung gian tuyến đường sắt đi qua

- Các dự án hoặc công trình khác đang hoặc sắp được triển khai trong vùng lân cận có quy hoạch hoặc liên quan đến dự án (nếu có)

3. Phân tích lựa chọn kịch bản phát triển/phương án đầu tư

3.1. Kinh nghiệm lựa chọn kịch bản phát triển/phương án đầu tư

3.2. Phân tích lựa chọn kịch bản phát triển/phương án đầu tư

4. Phân tích lựa chọn công nghệ, kỹ thuật đường sắt

4.1. Các loại hình công nghệ, kỹ thuật đường sắt và kinh nghiệm phát triển

4.2. Đề xuất loại hình công nghệ, kỹ thuật đường sắt

5. Nghiên cứu hướng tuyến; vị trí ga, depot và trạm bảo dưỡng hạ tầng

5.1. Tổng quan

Giới thiệu chung về quy hoạch hướng tuyến và các điểm không chế chính trên hành lang tuyến; rà soát, đánh giá các nghiên cứu trước đây (nếu có).

5.2. Nguyên tắc nghiên cứu hướng tuyến

5.3. Nguyên tắc chung xác định vị trí ga

5.4. Nguyên tắc chung xác định vị trí depot

5.5. Nguyên tắc chung xác định vị trí trạm bảo dưỡng

5.6. Đề xuất hướng tuyến, vị trí ga, depot, trạm bảo dưỡng hạ tầng

5.7. Tổng hợp quy mô công trình tuyến, ga, depot và trạm bảo dưỡng

6. Phương án tổ chức chạy tàu

6.1. Số liệu đầu vào để xây dựng phương án tổ chức chạy tàu

6.2. Xác định thời gian vận hành tàu giữa các ga

6.3. Xác định quy mô tàu khai thác trên tuyến

6.4. Xác định biểu đồ chạy tàu

6.5. Xác định số lượng phương tiện cần thiết để chạy tàu

7. Nhu cầu giải phóng mặt bằng, tái định và sử dụng tài nguyên khác

7.1. Phạm vi giải phóng mặt bằng

7.2. Xác định sơ bộ diện tích đất các loại (theo mục đích sử dụng hiện tại) cần sử dụng để thực hiện dự án

7.3. Xác định sơ bộ khối lượng GPMB (nhà ở, công trình, cây cối,...)

7.4. Nhu cầu sử dụng tài nguyên

8. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Thuyết minh sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đang được đề xuất theo quy định hiện hành

CHƯƠNG 3. THUYẾT MINH VỀ KỸ THUẬT

1. Giải pháp thiết kế sơ bộ các hạng mục công trình, phương tiện và thiết bị

1.1. Giải pháp thiết kế sơ bộ công trình tuyến

1.2. Giải pháp thiết kế sơ bộ công trình cầu, cống và hầm

1.3. Giải pháp thiết kế sơ bộ công trình ga

1.4. Giải pháp thiết kế sơ bộ công trình depot và trạm bảo dưỡng hạ tầng

1.5. Giải pháp thiết kế sơ bộ hệ thống thông tin

1.6. Giải pháp thiết kế sơ bộ hệ thống tín hiệu, trung tâm điều hành vận tải

1.7. Giải pháp thiết kế sơ bộ hệ thống cấp điện

1.8. Giải pháp thiết kế sơ bộ hệ thống vé

1.9. Giải pháp thiết kế sơ bộ lựa chọn phương tiện đầu máy toa xe và phương án tổ chức vận hành và bảo trì ĐMTX, tính toán sơ bộ số lượng ĐMTX

2. Phân kỳ đầu tư, phân chia dự án thành phần, hình thức đầu tư và phương án huy động vốn

2.1. Dự kiến phân kỳ đầu tư dự án

2.2. Dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có)

2.3. Phân tích lựa chọn hình thức, phương thức đầu tư và loại hợp đồng

2.4. Phương án huy động vốn đầu tư

3. Kế hoạch triển khai dự án

Đề xuất kế hoạch triển khai dự án từ khi chủ trương đầu tư dự án được phê duyệt đến khi đưa vào khai thác

4. Sơ bộ tổng mức đầu tư dự án

4.1. Các căn cứ lập tổng mức đầu tư

4.2. Phương pháp lập dự toán

4.3. Sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI, TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

1.1. Xác định các yếu tố chi phí và lợi ích về mặt kinh tế - xã hội

1.2. Sơ bộ phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án thông qua

1.3. Kết luận sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

2. Đánh giá tác động môi trường, phòng chống cháy nổ và an ninh quốc phòng

2.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường

+Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với chiến lược bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch chung, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan.

+Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính đối với môi trường trên cơ sở quy mô, công nghệ sản xuất và địa điểm thực hiện dự án.

+Những vấn đề về môi trường có ý nghĩa trong khu vực thực hiện dự án đầu tư theo chương trình và địa điểm (nếu có).

+Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường.

+Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

2.2. Đánh giá tác động do biến đổi khí hậu

2.3. Đánh giá ảnh hưởng của dự án đối với phòng chống cháy nổ

2.4. Đánh giá ảnh hưởng của dự án đối với an ninh quốc phòng

2.5. Đánh giá tác động đối với việc triển khai các cam kết quốc tế

CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN

1. Các thông số đầu vào sử dụng trong mô hình tài chính

- Chi phí trong suốt vòng đời dự án

- Doanh thu: xác định doanh thu của dự án qua từng năm (mức căn bản, mức tối đa và mức tối thiểu) trên cơ sở các nội dung về dự báo nhu cầu; giá, phí sản phẩm, dịch vụ và các khoản thu khác của dự án (xem xét cơ sở pháp lý để xác định giá, phí; dự kiến lộ trình tăng giá, phí)

- Các thông số đầu vào khác: lãi vay, thời gian vay; tỷ lệ lạm phát; tỷ giá; tỷ lệ khấu hao và các thông số khác

2. Tổng hợp dự báo nhu cầu

2.1. Phân tích lưu lượng, nhu cầu sử dụng công trình, tốc độ tăng trưởng,... trong các giai đoạn khác nhau (xem xét phân tích sơ bộ phương án tài chính)

2.2. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nhu cầu trong tương lai, làm cơ sở xem xét hiệu quả kinh tế xã hội và phân tích tài chính sơ bộ phương án tài chính

3. Phân tích khả năng chi trả chi phí về (hợp đồng BOT, BTO, BOO, O&M)

3.1. Tổng mức đầu tư của dự án

3.2. Cơ cấu nguồn vốn của nhà đầu tư doanh nghiệp dự án và phương án huy động vốn giả định

3.3. Vốn nhà nước tham gia trong dự án dự kiến

3.4. Phương án thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận của nhà đầu tư

3.5. Thời hạn hợp đồng dự án

3.6. Đề xuất ưu đãi đảm bảo phương án tài chính của dự án (nếu có)

3.7. Dự kiến các khoản chi phí của dự án trong thời gian vận hành

4. Chỉ tiêu tài chính xem xét tính khả thi của dự án

- 4.1. Tỷ suất nội hoàn tài chính (FIRR)
- 4.2. Tỷ số lợi nhuận trên chi phí về tài chính (B/C)
- 4.3. Giá trị hiện tại ròng tài chính (NPV)
- 4.4. Thời gian hoàn vốn (T)
5. Đánh giá phương án tài chính và kết luận sơ bộ về tính khả thi tài chính

CHƯƠNG 6. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Tổ chức quản lý thực hiện dự án
 - 1.1. Tổ chức quản lý dự án trong quá trình thiết kế, thi công xây dựng
 - 1.2. Tổ chức quản lý trong quá trình vận hành khai thác
2. Lựa chọn nhà đầu tư
3. Phương án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực
4. Phương án phát triển công nghiệp đường sắt
5. Phân tích rủi ro trong quá trình thực hiện dự án
 - 5.1. Thuyết minh sơ bộ một số rủi ro chính có thể phát sinh trong suốt vòng đời dự án
 - 5.2. Đề xuất cơ chế phân bổ, quản lý rủi ro và trách nhiệm của các bên trong việc quản lý rủi ro, xác định một số biện pháp giảm thiểu các rủi ro.
6. Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu
7. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư
8. Tổ chức quản lý thực hiện dự án
9. Kế hoạch triển khai dự án
 - Kế hoạch lập Báo cáo nghiên cứu khả thi
 - Kế hoạch triển khai thi công

Trường hợp phân kỳ đầu tư cần xây dựng theo các giai đoạn phân kỳ

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận
2. Kiến nghị

Trình bày các kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện thủ tục thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án và xác định các nội dung cần được nghiên cứu chi tiết tại báo cáo nghiên cứu khả thi

➤ TẬP BẢN VẼ THIẾT KẾ SƠ BỘ

Phần 1: Bản vẽ chung (Bản đồ vị trí tuyến; bản đồ hiện trạng giao thông khu vực; bản đồ quy hoạch mạng lưới đường sắt khu vực dự án; bản vẽ tổng mặt bằng hướng tuyến, vị trí ga, depot, trạm bảo dưỡng hạ tầng; sơ đồ khai thác tuyến đường;...)

- Bản đồ vị trí tuyến đường sắt;
- Bản đồ hiện trạng giao thông khu vực;
- Bản đồ quy hoạch mạng lưới đường sắt khu vực dự án;
- Quy hoạch phát triển giao thông các địa phương dọc tuyến;
- Mặt cắt ngang điển hình nền đường;

- Mặt cắt ngang điển hình các loại ga, depot trên tuyến...

Phần 2: Thiết kế sơ bộ các hạng mục công trình (tuyến; cầu, cống, hầm; ga; depot và trạm bảo dưỡng hạ tầng; hệ thống tin; hệ thống tín hiệu; hệ thống điện; hệ thống vé; phương tiện;...):

- Bình đồ + trắc dọc tuyến;
- Mặt cắt ngang điển hình cống;
- Mặt cắt ngang điển hình hầm;
- Mặt cắt ngang điển hình cầu;
- Kích thước chung điển hình dầm;
- Bố trí chung cầu vượt tại một số vị trí;
- Sơ đồ bố trí ga, depot trên tuyến;
- Sơ đồ tổ chức khai thác, vận tải tuyến;
- Sơ đồ kết nối tín hiệu hệ thống thông tin;
- Sơ đồ tổng thể bố trí hệ thống tín hiệu;
- Sơ đồ tổng thể hệ thống cấp điện; nguyên lý hệ thống cấp điện;
- Cấu hình đoàn tàu; đầu máy toa xe.....

➤ **TẬP CÁC PHỤ LỤC**

Phụ lục 1: Tổng hợp số liệu điều tra, thu thập (nếu cần)

Phụ lục 2: Dự báo nhu cầu vận tải

Phụ lục 3: Phân tích lựa chọn công nghệ - kỹ thuật (nếu cần)

Phụ lục 4: Tổng hợp khối lượng và tổng mức đầu tư dự án (nếu cần)

Phụ lục 5: Đánh giá hiệu quả kinh tế, tài chính dự án

Phụ lục 6: Kinh nghiệm quốc tế

Phụ lục 7: Các văn bản liên quan đến dự án

➤ **TẬP ĐỀ ÁN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TUYẾN ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI - ĐỒNG ĐĂNG**

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU

*** Thu thập số liệu, rà soát hiện trường, khảo sát phục vụ lập Pre-FS**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
A	CÔNG TÁC THU THẬP SỐ LIỆU			
I	Công tác chuẩn bị điều tra, khảo sát thu thập số liệu, tài liệu, xây dựng phương án kỹ thuật điều tra khảo sát	Công	31	
II	Điều tra, thu thập các số liệu kinh tế - xã hội và các quy hoạch liên quan			
1	Mua niên giám thống kê 2024	Quyên	5	
2	Thu thập tài liệu kinh tế xã hội	Công	31	
3	Thu thập số liệu hiện trạng và quy hoạch giao thông các chuyên ngành	Công	23	

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
4	Thu thập số liệu hiện trạng và quy hoạch các ngành liên quan khác:	Công	13	
III	Thu thập, thống kê số liệu về GPMB: Mua, thu thập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Tờ	4	
IV	Thị sát hiện trường phục vụ thiết kế các hạng mục công trình			
1	Nhân công	Công	23	
2	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	5	
V	Công tác xử lý thông tin, tài liệu, dữ liệu điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Công	23	
B	CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT			
I	Điều tra, khảo sát địa hình			
1	Mua bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000	mảnh	20	
2	Mua bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000	mảnh	50	
3	Mua bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000	mảnh	5	
4	Mua bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000	mảnh	20	
5	Cập nhật bản đồ địa hình	công	996	
6	Ca xe phục vụ quá trình cập nhật bản đồ	ca	138	
II	Điều tra, thu thập tài liệu thủy văn			
1	Làm việc với địa phương và các cơ quan hữu quan về các công trình đê đập, thủy lợi, thủy điện hiện có và theo quy hoạch, sự ảnh hưởng của các công trình này đến chế độ thủy văn dọc tuyến và công trình thoát nước của tuyến đường, các yêu cầu của thủy lợi đối với việc xây dựng tuyến đường.	Công	20	
2	Làm việc với địa phương và các cơ quan hữu quan về các công trình đê đập, thủy lợi, thủy điện hiện có và theo quy hoạch	Công	20	
3	Điều tra, thu thập tài liệu thủy văn của các công trình lân cận	Công	15	
4	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	5	
III	Điều tra, khảo sát thu thập tài liệu thông tin, tín hiệu, điện			
1	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu hệ thống thông tin, tín hiệu			
-	Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu quản lý, loại hình công nghệ, thiết bị thông tin, tín hiệu: Tuyến đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn, khu đầu mối Hà Nội	Công	30	
-	Điều tra, thu thập số liệu tuyến truyền dẫn thông tin	Công	16	
-	Điều tra, thu thập số liệu loại hình liên khóa tín hiệu ga, phương thức tín hiệu đóng đường khu gian	Công	16	
-	Điều tra loại hình thông tin, tín hiệu phòng vệ tại các đường ngang, phòng vệ cầu, hầm..:	Công	16	

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
-	Điều tra các số liệu liên quan khác đến hệ thống thông tin, tín hiệu	Công	10	
-	Khảo sát sơ bộ xác định vị trí đặt trạm truyền dẫn thông tin, phòng đặt thiết bị tín hiệu:	Công	24	
-	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	20	
2	Điều tra thu, số liệu điện			
-	Điều tra thu thập tài liệu, số liệu quản lý hiện tại, quy hoạch chi tiết các trạm và các tuyến cáp điện dọc tuyến	Công	20	
3	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	5	
IV	Điều tra, thu thập số liệu hiện trạng nhà ga và công trình phụ trợ trên toàn tuyến			
-	Công tác điều tra thu thập	Công	126	
-	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)		16	
IV	Điều tra, thu thập số liệu hiện trạng về hệ đường bộ dọc tuyến			
-	Công tác điều tra thu thập	Công	51	
-	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	ca	8	
V	Điều tra, thu thập tài liệu địa chất, vật liệu xây dựng			
1	Điều tra, thu thập về địa chất của các công trình lân cận	Công	8	
2	Điều tra, thu thập sơ bộ về mỏ vật liệu xây dựng	Công	18	
3	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	5	
VI	Khảo sát, điều tra thu thập số liệu dự báo nhu cầu vận tải			
1	Khảo sát giao thông			
-	Công tác liên hệ xin hỗ trợ khảo sát	Công	8	
-	Lắp đặt vận hành camera	Công	88	
-	Tổ chức đếm xe			
+	Tổ trưởng phụ trách kỹ thuật	Công	9	
+	Nhân công đếm xe	Công	432	
-	Vào số liệu trên máy	Công	12	
-	Công tác khác liên quan			
+	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	24	
+	Thuê camera khảo sát giao thông	Máy	8	
2	Điều tra nhu cầu đi lại dọc tuyến đường sắt hiện tại			
<i>a</i>	<i>Điều tra, thu thập thông tin số liệu/tài liệu</i>			
-	Điều tra thu thập số liệu thống kê vận tải hành khách, hàng hóa 5 năm gần đây	Công	4	
-	Điều tra, thu thập số liệu nhu cầu vận tải tại các đầu mối vận tải lớn (cửa khẩu, khu du lịch, khu mỏ, khu công nghiệp, cảng biển, cảng cạn, cảng sông, vận tải liên vận quốc tế...)	Công	20	
<i>b</i>	<i>Phòng vận hành khách, chủ phương tiện/ chủ hàng hóa</i>			

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
-	Hướng dẫn điều tra phỏng vấn	Công	12.0	
-	Liên hệ hỗ trợ công tác phỏng vấn	Công	27.0	
-	Tổ trưởng phụ trách hiện trường	Công	60.0	
-	Nhân công phỏng vấn hành khách	Công	113.0	
-	Nhân công phỏng vấn tài xế lái xe hoặc chủ hàng	Công	13.0	
-	Mã hóa số liệu	Công	40.0	
-	Phỏng vấn hành khách và khảo sát phỏng vấn tài xế xe tải (hoặc chủ hàng) tại các ga đường sắt hiện tại	Phiếu	2000	
<i>c</i>	<i>Khảo sát phỏng vấn tại cửa khẩu Tân Thanh và cửa khẩu Hữu Nghị.</i>			
-	Hướng dẫn điều tra phỏng vấn	Công	4.0	
-	Liên hệ hỗ trợ công tác phỏng vấn	Công	8.0	
-	Tổ trưởng phụ trách hiện trường	Công	10.0	
-	Nhân công phỏng vấn	Công	38.0	
-	Phỏng vấn tại cửa khẩu Tân Thanh và cửa khẩu Hữu Nghị	Phiếu	600.0	
-	Mã hóa số liệu	Công	12	
<i>d</i>	<i>Công tác khác liên quan</i>			
-	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	30	
VII	Điều tra, khảo sát đánh giá tác động môi trường, biến đổi khí hậu			
1	Điều tra thu thập phục vụ đánh giá tác động môi trường			
-	Thu thập tài liệu về chất lượng môi trường tự nhiên, xã hội và các điểm nhạy cảm về môi trường	Công	36	
-	Khảo sát sơ bộ hiện trường về môi trường khu vực dự án	Công	23	
2	Đánh giá tác động do biến đổi khí hậu			
-	Thu thập số liệu về kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tài liệu thống kê hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan, vùng nguy cơ bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu	Công	36	
-	Khảo sát sơ bộ hiện trường về môi biến đổi khí hậu khu vực dự án	Công	23	
-	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	Ngày xe	22	
VIII	Khảo sát dữ liệu phục vụ đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội			
1	Thu thập dữ liệu phục vụ tính toán tiết kiệm chi phí vận hành, thời gian			
-	Công tác liên hệ xin hỗ trợ điều tra, khảo sát	công	25	
-	Điều tra, thu thập thông tin số liệu/tài liệu	công	30	
-	Hướng dẫn điều tra phỏng vấn	công	150	
-	Liên hệ hỗ trợ công tác phỏng vấn	công	30	
-	Tổ trưởng phụ trách hiện trường	công	30	
-	Phỏng vấn thử	công	15	

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
-	Nhân công phỏng vấn chủ phương tiện	công	35	
-	Mã hóa số liệu	công	10	
2	Thu thập dữ liệu giá cước vận tải			
-	Điều tra, thu thập thông tin số liệu/tài liệu	công	30	
-	Thu thập báo giá tại các công ty vận tải địa phương	công	18	
-	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	ngày xe	6	
3	Xử lý số liệu	công	15	
IX	Điều tra, khảo sát phục vụ chuyển mục đích sử dụng rừng	TB	1	
X	Thỏa thuận điểm nối ray với đường sắt Trung Quốc			
1	Thu thập Điều tra điểm nối ray	công	10	
2	Hồ sơ thỏa thuận đầu nối	công	50	
3	Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam trong quá trình thỏa thuận điểm nối ray với phía Trung Quốc trong quá trình (các cuộc họp tại Việt Nam trong quá trình đàm phán điểm nối ray)	công	60	
4	Thu xe phục vụ đi lại (xe 7 chỗ ngồi)	ngày xe	1	
XI	Tổ chức hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến; thị sát thăm tuyến của cơ quan Quốc hội trước khi thông qua chủ trương đầu tư	TB	1	

*** Tổ chức hội thảo, tọa đàm, tham vấn; chi phí cho đoàn thăm quan học hỏi kinh nghiệm tại nước ngoài; thị sát thăm tuyến của cơ quan Quốc hội trước khi thông qua chủ trương đầu tư**

Trong quá trình triển khai lập BCNCTKT Dự án, dự kiến tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến của các chuyên gia; đi thăm quan học hỏi kinh nghiệm ở nước có tuyến đường sắt tương tự (Trung Quốc) để trao đổi học hỏi kinh nghiệm và tiến hành thị sát hiện trường cho đoàn, thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng cho mỗi cuộc họp	Số lượng cuộc họp	Ghi chú
I	Tổ chức hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến				
1	Thuê hội trường tổ chức hội nghị	Phòng	1	2	Phòng 500m ² , theo giá thị trường
2	Thuê máy chiếu, trang thiết bị phục vụ hội nghị	Máy - ngày	1	2	Khoản 1, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
3	Chi phí cho đại biểu tham dự	người	50	2	Theo khoản 2, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng cho mỗi cuộc họp	Số lượng cuộc họp	Ghi chú
4	Văn phòng phẩm phục vụ hội nghị (tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị)				
-	In tài liệu (Báo cáo tóm tắt, bản đồ, bản vẽ)	cuốn	50	2	Khoản 2, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
-	Bút viết	cái	50	2	Khoản 2, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
-	Cặp tài liệu	cái	50	2	Khoản 2, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
5	Chi giải khát giữa giờ	người	50	2	Khoản 5, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
6	Chi phí in + gửi báo cáo xin ý kiến các tỉnh liên quan	bộ	50	2	
II	Thị sát thăm tuyến của cơ quan Quốc hội trước khi thông qua chủ trương đầu tư				
1	Thuê hội trường tổ chức hội nghị	Phòng	1	1	Tận dụng phòng họp của Ban
2	Thuê máy chiếu, trang thiết bị phục vụ hội nghị	Máy - ngày	1	1	Tận dụng thiết bị họp của Ban
3	Số đại biểu tham dự (các cơ quan thuộc Bộ, các chuyên gia về GTVT,...)	người	50	1	Theo khoản 2, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
4	Văn phòng phẩm phục vụ hội nghị (tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị)				Khoản 2, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
-	In tài liệu + đóng quyển	cuốn	50	1	
-	Bút viết	cái	50	1	
-	Cặp tài liệu	cái	50	1	
5	Chi giải khát giữa giờ	người	50	1	Khoản 5, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
6	Chi giải khát giữa giờ	người	50	1	Khoản 5, Điều 11, thông tư số 40/2017/TT-BTC
7	Chi phí di chuyển và phục vụ đoàn công tác				
-	Chi phí thuê thuê ô tô (chỗ)	xe	13	1	
-	Tiền thuê phòng nghỉ (50 người * 1 đêm/người)	phòng	50	1	Thông tư số 40/2017/TT-BTC
-	Phụ cấp lưu trú (50 người * 2 ngày)	ngày	100	1	Điều 6, thông tư số 40/2017/TT-BTC

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

Kế hoạch lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi là 09 tháng tính từ thời điểm ký hợp đồng.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Báo cáo

1.1. Hồ sơ khảo sát, thu thập

- Báo cáo điều tra, khảo sát thu thập số liệu;
- Báo cáo khảo sát giao thông.

1.2. Hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Thiết kế sơ bộ;
- Các phụ lục, văn bản liên quan...

1.3. Hồ sơ giao nộp trong các kỳ báo cáo

- Báo cáo đầu kỳ

- + Slide;
- + Thuyết minh tóm tắt báo cáo tình hình triển khai, các định hướng triển khai tiếp theo; các vấn đề vướng mắc cần xin ý kiến NĐT, các cơ quan đơn vị có thẩm quyền làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo;

- Báo cáo giữa kỳ

- + Slide;
- + Thuyết minh tóm tắt kết quả triển khai (sơ bộ xác định được quy mô, giải pháp kỹ thuật và khái toán TMĐT);
- + Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát giao thông và dự báo nhu cầu vận tải;

- Báo cáo cuối kỳ

- + Slide;
- + Dự thảo BCNCTKT dự án (Thuyết minh + Thiết kế sơ bộ);
- + Báo cáo kết quả khảo sát giao thông và dự báo nhu cầu vận tải;

- Hồ sơ trình duyệt

- + Slide;
- + BCNCTKT dự án (Thuyết minh + Thiết kế sơ bộ) và các Phụ lục;
- + Đề án chủ trương đầu tư đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng.

2. Tiến độ thực hiện

Kế hoạch lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi là: 270 tháng tính từ thời điểm ký hợp đồng cho đến khi hoàn thành lập BCNCTKT dự án, đã bao gồm thời gian tiếp thu, hoàn thiện BCNCTKT trên cơ sở báo cáo kết quả Rà soát của CR5DI. Thời gian thực hiện gói thầu không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt BCNCTKT dự án của các cơ quan có thẩm quyền.

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU:

- Đối với nhân sự chủ chốt (14 nhân sự): yêu cầu về từng vị trí nhân sự tại Mục 2-Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- Đối với nhân sự thực hiện (19 nhân sự):

Được quy định tại mục () của II.1 sẽ không được đánh giá trong quá trình lựa chọn nhà thầu. Nhà thầu phải đảm bảo huy động đầy đủ các vị trí nhân sự theo yêu cầu trên và báo cáo Chủ đầu tư trước khi triển khai thực hiện hợp đồng.*

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ:

Chủ đầu tư các sẽ cử cán bộ hỗ trợ trong quá trình nghiên cứu và phối hợp làm việc với các Bộ, ngành, đơn vị liên quan và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.